|  |  |
| --- | --- |
| **TRƯỜNG THCS ………………………****TỔ KHOA HỌC XÃ HỘI****Giáo viên: ……………………….** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM****Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |

**KẾ HOẠCH GIÁO DỤC CỦA GIÁO VIÊN**

**Năm học 2022–2023**

**I. Kế hoạch dạy học**

**1. Phân phối chương trình**

**KẾ HOẠCH DẠY HỌC MÔN NGỮ VĂN7**

*Cả năm: 140 tiết. Học kì I: 72 tiết. Học kì II: 68 tiết*

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **Bài học** | **Tiết** | **Yêu cầu cần đạt**  | **Thiết bị****dạy học**  | **Ghi chú** |
| **BÀI MỞ ĐẦU**(3 TIẾT) | Nội dung sách giáo khoa Ngữ văn 7 | 1,2 | - HS nắm được những nội dung chính củasách Ngữ văn 7.- Cấu trúc của sách và các bài học.- Sử dụng sách một cách hiệu quả. | - SGK, KHBD, máy tính, máy chiếu, PHT,… |  |
| Cấu trúc của sách Ngữ văn 7 | 3,4 |
| **BÀI 1.TRUYỆN NGẮN VÀ TIỂU THUYẾT**(12 TIẾT) | ĐỌC HIỂU VĂN BẢN |  | - Nêu được ấn tượng chung về các văn bản đọc hiểu; nhận biết được một số yếu tố hình thức (bối cảnh, nhân vật, ngôi kể và sự thay đổi ngôi kể, ngôn ngữ vùng miền,…) và nội dung (đề tài, chủ đề, ý nghĩa,…) của văn bản.- Nhận biết được từ ngữ địa phương, đặc sắc ngôn ngữ vùng miền trong các văn bản đã học.- Viết được bài văn kể lại sự việc có thật liên quan đến nhân vật hoặc sự kiện lịch sử.- Biết trình bày ý kiến về một vấn đề trong đời sống.- Có tình yêu thương con người, biết chí sẻ, cảm thông với người khác và những cảnh ngộ éo le trong cuộc sống; có tinh thần yêu nước, tự hào dân tộc và ý thức về trách nhiệm của công dân đối với đất nước. | - SGK, SGV, SBT, TL tham khảo,...- KHBD, máy tính, máy chiếu, PHT, rubic, bảng kiểm | Giáo dục TTHCM, QPAN |
| *- Người đàn ông cô độc giữa rừng* | 5,6,7 |
| *- Buổi học cuối cùng* | 8,9 |
| THTV: Từ ngữ địa phương | 10 |
| THĐH: *Dọcđường xứ Nghệ* | 11,12 |
| VIẾT: Kể lại một sự việc có thật liên quan đến nhân vật hoặc sự kiện lịch sử | 13,14,15 |
| NÓI VÀ NGHE: Trình bày ý kiến về vấn đề trong đời sống | 16 |
| Tự đánh giá; Hướng dẫn tự học |  |
| **Bài học** | **Tiết** | **Yêu cầu cần đạt** | **Thiết bị****dạy học** | **Ghi chú** |
| **BÀI 2.****THƠ BỐN CHỮ, NĂM CHỮ**(12 TIẾT) | ĐỌC HIỂU VĂN BẢN |  | - Nhận biết được một số yếu tố hình thức của thơ bốn chữ, năm chữ (số lượng dòng, chữ, vần, nhịp, từ ngữ, hình ảnh, biện pháp tu từ,…) và tình cảm, cảm xúc của người viết thể hiện trong bài thơ.- Nhận biết và phân tích tác dụng của một số biện pháp tu từ trong thơ.- Bước đầu làm được bài thơ bốn chữ, năm chữ; viết được đoạn văn ghi lại cảm xúc sau khi đọc một bài thơ bốn chữ, năm chữ. - Biết trao đổi về một vấn đề.- Biết yêu thương người thân trong gia đình, trân trọng các giá trị văn hóa của dân tộc. | - SGK, SGV, SBT, TL tham khảo,...- KHBD, máy tính, máy chiếu, PHT, rubic, bảng kiểm |  |
| *- Mẹ* | 17,18 |
| *- Ông đồ* | 19,20 |
| THTV: Từ trái nghĩa, biện pháp tu từ  | 21,22 |
| THĐH: *Tiếng gà trưa* | 23,24 |
| VIẾT: Tập làm thơ bốn chữ, năm chữ; Viết đoạn văn ghi lại cảm xúc sau khi đọc một bài thơ bốn chữ, năm chữ | 25,26,27 |
| NÓI VÀ NGHE: Trao đổi về một vấn đề | 28 |
| Tự đánh giá; Hướng dẫn tự học |  |
| **BÀI 3.****TRUYỆN KHOA HỌC VIỄN TƯỞNG**(12 TIẾT) | ĐỌC HIỂU VĂN BẢN |  | - Nhận biết được một số yếu tố hình thức (sự kiện, tình huống, cốt truyện, nhân vật, bối cảnh,… ) và nội dung (đề tài, chủ đề, ý nghĩa) của truyện khoa học viễn tưởng.- Nhận biết và vận dụng được số từ, phó từ trong đọc, viết, nói và nghe.- Viết được bài văn biểu cảm về một con người hoặc sự việc.- Biết thảo luận nhóm về một vấn đề gây tranh cãi.- Trân trọng ý tưởng khoa học; dũng cảm, yêu thiên nhiên, thích khám phá, đam mê tưởng tượng và sáng tạo,… | - SGK, SGV, SBT, TL tham khảo,...- KHBD, máy tính, máy chiếu, PHT, rubic, bảng kiểm |  |
| *- Bạch tuộc* | 29,30,31 |
| *- Chất làm gỉ* | 32,33 |
| THTV: Số từ và phó từ | 34 |
| THĐH: *Nhật trình Sol 6* | 35,36 |
| VIẾT: Viết bài văn biểu cảm về một người hoặc sự việc | 37,38,39 |
| NÓI VÀ NGHE: Thảo luận nhóm về một vấn đề | 40 |
| Tự đánh giá; Hướng dẫn tự học |  |
| **Đánh giá giữa học kì I** | Ôn tập giữa học kì I | 41 | - Khái quát được các nội dung cơ bản đã học trong nửa đầu học kì I, gồm kĩ năng đọc hiểu, viết, nói và nghe; các đơn vị kiến thức tiếng Việt, văn học.- Phân tích được yêu cầu về nội dung và hình thức của các câu hỏi, bài tập đánh giá kết quả học tập.- Có ý thức tự giác, nghiêm túc, trách nhiệm trong thực hiện bài KT. | KHBD, đề cương, PHT,… | Linh hoạt sắp xếp theo KHGD nhà trường, địa phương |
| Kiểm tra giữa học kì I | 42,43 | Đề và giấy kiểm tra |
| Trả bài kiểm tra giữa học kì I | 44 | Đáp án, bài chấm |
| **Bài học** | **Tiết** | **Yêu cầu cần đạt** | **Thiết bị****dạy học** | **Ghi chú** |
| **BÀI 4.****NGHỊ LUẬN VĂN HỌC**(13 TIẾT) | ĐỌC HIỂU VĂN BẢN |  | - Nhận biết được đặc điểm hình thức ( ý kiến, lí lẽ, bằng chứng,…) và nội dung (đề tài, tư tưởng, ý nghĩa…) của các văn bản nghị luận văn học; mối quan hệ giữa đặc điểm với mục đích của bài nghị luận.- Vận dụng được kiến thức, kĩ năng mở rộng thành phần chính của câu bằng cụm chủ vị vào đọc hiểu, viết, nói và nghe có hiệu quả.- Bước đầu biết viết bài văn phân tích đặc điểm nhân vật trong tác phẩm văn học.- Biết thảo luận nhóm về một vấn đề.- Yêu thích tìm hiểu, khám phá vẻ đẹp của các tác phẩm văn học. | - SGK, SGV, SBT, TL tham khảo,...- KHBD, máy tính, máy chiếu, PHT, rubic, bảng kiểm |  |
| *- Thiên nhiên và con người trong truyện “Đất rừng phương Nam”* | 45,46 |
| *- Vẻ đẹp của bài thơ “Tiếng gà trưa”* | 47,48 |
| THTV: Mở rộng thành phần chính của câu bằng cụm chủ vị | 49,50 |
| THĐH: *Sức hấp dẫn của tác phẩm “Hai vạn dặm dưới đáy biển”* | 51,52 |
| VIẾT: Viết bài văn phân tích đặc điểm nhân vật | 53,54,55 |
| NÓI VÀ NGHE: Thảo luận nhóm về một vấn đề | 56 |
| Tự đánh giá; Hướng dẫn tự học |  |
| **BÀI 5.****VĂN BẢN THÔNG TIN**(12 TIẾT) | ĐỌC HIỂU VĂN BẢN |  | - Nhận biết được một số yếu tố hình thức (đặc điểm, cách triển khai,…), nội dung (đề tài, chủ đề, ý nghĩa…) của văn bản giới thiệu quy tắc, luật lệ của một hoạt động, trò chơi.- Biết mở rộng trạng ngữ của câu. - Biết giới thiệu, thuyết minh, giải thích quy tắc, luật lệ của một hoạt động, trò chơi cả trong viết, nói và nghe. - Yêu quý, trân trọng cảnh vật, con người và truyền thống văn hóa của dân tộc. | - SGK, SGV, SBT, TL tham khảo,...- KHBD, máy tính, máy chiếu, PHT, rubic, bảng kiểm |  |
| *- Ca Huế* | 57,58 |
| *- Hội thi thổi cơm* | 59,60 |
| THTV: Mở rộng trạng ngữ | 61,62 |
| THĐH:*Những nét đặc sắc trên “đất vật” Bắc Giang* | 63,64 |
| VIẾT: Viết văn bản thuyết minh về quy tắc, luật lệ của một hoạt động hay trò chơi | 65,66,67 |
| NÓI VÀ NGHE: Giải thích quy tắc, luật lệ của một hoạt động hay trò chơi | 68 |
| Tự đánh giá; Hướng dẫn tự học |  |
| **Bài học** | **Tiết** | **Yêu cầu cần đạt** | **Thiết bị****dạy học** | **Ghi chú** |
| **Đánh giá cuối học kì I** | Ôn tập học kì I | 69 | - Khái quát được các nội dung cơ bản đã học trong học kì I, gồm kĩ năng đọc hiểu, viết, nói và nghe; các đơn vị kiến thức tiếng Việt, văn học.- Phân tích được yêu cầu về nội dung và hình thức của các câu hỏi, bài tập đánh giá kết quả học tập.- Có ý thức tự giác, nghiêm túc, trách nhiệm trong thực hiện bài KT. | KHBD, đề cương, PHT,… | Linh hoạt sắp xếp theo KHGD nhà trường, địa phương |
| Kiểm tra học kì I | 70,71 | Đề và giấy kiểm tra |
| Trả bài kiểm tra học kì I | 72 | Đáp án, bài chấm |

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **Bài học** | **Tiết** | **Yêu cầu cần đạt** | **Thiết bị****dạy học** | **Ghi chú** |
| **BÀI 6. TRUYỆN NGỤ NGÔN VÀ TỤC NGỮ**(12 TIẾT) | ĐỌC HIỂU VĂN BẢN |  | - Nhận biết được một số yếu tố hình thức (chi tiết, cốt truyện, nhân vật, vần, nhịp, hình ảnh,…) và nội dung (đề tài, chủ đề, ý nghĩa, bài học…) của truyện ngụ ngôn và tục ngữ.- Nhận biết được đặc điểm và tác dụng của các BPTT nói quá, nói giảm nói tránh, vận dụng được những biện pháp này vào đọc, viết, nói và nghe.- Viết được bài văn phân tích đặc điểm nhân vật trong truyện ngụ ngôn. - Biết kể lại một truyện ngụ ngôn và vận dụng tục ngữ trong đời sống.- Có quan niệm sống đúng đắn và ứng xử nhân văn; khiêm tốn và ham học hỏi; tự tin, dám chịu trách nhiệm. | - SGK, SGV, SBT, TL tham khảo,...- KHBD, máy tính, máy chiếu, PHT, rubic, bảng kiểm |  |
| *- Ếch ngồi đáy giếng**- Đẽo cày giữa đường* | 73,74,75 |
| *- Tục ngữ về thiên nhiên, lao động và con người, xã hội* | 76,77 |
| THTV: Tục ngữ, thành ngữ;Nói quá, nói giảm – nói tránh | 78 |
| THĐH: - *Bụng và Răng, Miệng, Tay, Chân**- Tục ngữ về thiên nhiên, lao động và con người, xã hội* | 79,80 |
| VIẾT: Viết bài văn phân tích đặc điểm nhân vật | 81,82,83 |
| NÓI VÀ NGHE: Kể lại truyện ngụ ngôn | 84 |
| Tự đánh giá; Hướng dẫn tự học |  |
| **BÀI 7. THƠ**(12 TIẾT) | ĐỌC HIỂU VĂN BẢN |  | - Nhận biết được nét độc đáo về hình (từ ngữ, hình ảnh, vần, nhịp, biện pháp tu từ…) và nội dung (đề tài, chủ đề, tình cảm, cảm xúc,…) của bài thơ.- Nhận biết và nêu được tác dụng của một số biện pháp tu từ có trong văn bản, công dụng của dấu chấm lửng; nhận biết được ngữ cảnh và ngữ nghĩa của từ trong ngữ cảnh.- Viết được đoạn văn ghi lại cảm xúc sau khi đọc một bài thơ. - Biết trao đổi về một vấn đề.- Trân trọng tình cảm cha con cao đẹp, tình mẹ con sâu nặng, xúc động. | - SGK, SGV, SBT, TL tham khảo,...- KHBD, máy tính, máy chiếu, PHT, rubic, bảng kiểm |  |
| *- Những cánh buồm* | 85,86 |
| *- Mây và Sóng* | 87,88 |
| THTV: Ngữ cảnh và nghĩa của từ trong ngữ cảnh; Dấu chấm lửng | 89,90 |
| THĐH: *Mẹ và quả* | 91,92 |
| VIẾT: Viết đoạn văn ghi lại cảm xúc sau khi đọc một bài thơ | 93,94 |
| NÓI VÀ NGHE: Trao đổi về một vấn đề | 95,96 |
| Tự đánh giá; Hướng dẫn tự học |  |
| **Bài học** | **Tiết** | **Yêu cầu cần đạt** | **Thiết bị****dạy học** | **Ghi chú** |
| **BÀI 8. NGHỊ LUẬN XÃ HỘI**(12 TIẾT) | ĐỌC HIỂU VĂN BẢN |  | - Nhận biết được đặc điểm của văn bản nghị luận xã hội: mục đích và nội dung chính; ý kiến, lí lẽ, bằng chứng và mối quan hệ của chúng.- Vận dụng được kiến thức về liên kết, mạch lạc của văn bản trong đọc, viết, nói và nghe. - Biết viết bài văn nghị luận và trình bày ý kiến về một vấn đề trong đời sống.- Tự hào về truyền thống yêu nước, có lối sống giản dị, khiêm nhường và biết ơn những thế hệ đã hi sinh vì Tổ quốc. | - SGK, SGV, SBT, TL tham khảo,...- KHBD, máy tính, máy chiếu, PHT, rubic, bảng kiểm | Giáo dục tư tưởng, đạo đức HCM, ANQP |
| *- Tinh thần yêu nước của nhân dân ta* | 97,98 |
| *- Đức tính giản dị của Bác Hồ* | 99,100 |
| THTV: Liên kết, mạch lạc trong văn bản | 101,102 |
| THĐH: *Tượng đài vĩ đại nhất* | 103,104 |
| VIẾT: Viết bài văn nghị luận về một vấn đề trong đời sống | 105,106,107 |
| NÓI VÀ NGHE: Thảo luận nhóm về một vấn đề trong đời sống | 108 |
| Tự đánh giá; Hướng dẫn tự học |  |
| **Đánh giá giữa học kì II** | Ôn tập giữa học kì II | 109 | - Khái quát được các nội dung cơ bản đã học trong nửa đầu học kì II, gồm kĩ năng đọc hiểu, viết, nói và nghe; các đơn vị kiến thức tiếng Việt, văn học.- Phân tích được yêu cầu về nội dung và hình thức của các câu hỏi, bài tập đánh giá kết quả học tập.- Có ý thức tự giác, nghiêm túc, trách nhiệm trong thực hiện bài KT. | KHBD, đề cương, PHT,… | Linh hoạt sắp xếp theo KHGD nhà trường, địa phương |
| Kiểm tra giữa học kì II | 110,111 | Đề và giấy kiểm tra |
| Trả bài kiểm tra giữa học kì II | 112 | Đáp án, bài chấm |
| **BÀI 9.****TÙY BÚT VÀ TẢN VĂN**(13 TIẾT) | ĐỌC HIỂU VĂN BẢN |  | - Nhận biết được một số yếu tố hình thức (chất trữ tình, cái “tôi”, ngôn ngữ,…), nội dung (đề tài, chủ đề, ý nghĩa,…) của tùy bút và tản văn.- Sử dụng đúng một số từ Hán Việt thông dụng.- Viết bài văn biểu cảm về con người hoặc sự việc.- Biết trao đổi, thảo luận về một vấn đề.- Yêu quý, trân trọng truyền thống, cảnh vật và con người của quê hương, đất nước. | - SGK, SGV, SBT, TL tham khảo,...- KHBD, máy tính, máy chiếu, PHT, rubic, bảng kiểm |  |
| *- Cây tre Việt Nam* | 113,114,115 |
| *- Người ngồi đợi trước hiên nhà* | 116,117 |
| THTV: Từ Hán Việt | 118 |
| THĐH: *Trưa tha hương* | 119,120 |
| VIẾT: Viết bài văn biểu cảm về con người hoặc sự việc | 121,122,123 |
| NÓI VÀ NGHE: Trao đổi về một vấn đề | 124 |
| Tự đánh giá; Hướng dẫn tự học |  |
| **Bài học** | **Tiết** | **Yêu cầu cần đạt** | **Thiết bị****dạy học** | **Ghi chú** |
| **BÀI 10.****VĂN BẢN THÔNG TIN**(12 TIẾT) | ĐỌC HIỂU VĂN BẢN |  | - Nhận biết được cách triển khai ý tưởng và thông tin trong văn bản (theo các đối tượng phân loại); nhận biết và hiểu được tác dụng của cước chú, tài liệu tham khảo trong văn bản; nhận biết và giải thích được tác dụng của phương tiện giao tiếp phi ngôn ngữ (hình ảnh, số liệu,…) trong văn bản.- Nhận biết được thuật ngữ và nghĩa của thuật ngữ. - Viết được văn bản tường trình và biết tóm tắt văn bản theo yêu cầu khác nhau về độ dài. - Nghe và tóm tắt được ý chính của bài nói.- Thích tìm hiểu, khám phá các phương tiện vận chuyển, đi lại và tôn trọng các quy định về an toàn giao thông. | - SGK, SGV, SBT, TL tham khảo,...- KHBD, máy tính, máy chiếu, PHT, rubic, bảng kiểm | Giáo dục ATGT |
| *- Ghe xuồng Nam Bộ* | 125,126 |
| *- Tổng kiểm soát phương tiện giao thông* | 127,128 |
| THTV: Thuật ngữ | 129 |
| THĐH: *Phương tiện vận chuyển của các dân tộc thiểu số Việt Nam ngày xưa* | 130,131 |
| VIẾT: - Tóm tắt văn bản theo yêu cầu khác nhau về độ dài- Viết bản tường trình | 132,133,134 |
| NÓI VÀ NGHE:Nghe và tóm tắt ý chính của người nói | 135,136 |
| Tự đánh giá; Hướng dẫn tự học |  |
| **Đánh giá cuối học kì II** | Ôn tập học kì II | 137 | - Khái quát được các nội dung cơ bản đã học trong năm học, gồm kĩ năng đọc hiểu, viết, nói và nghe; các đơn vị kiến thức tiếng Việt, văn học.- Phân tích được yêu cầu về nội dung và hình thức của các câu hỏi, bài tập đánh giá kết quả học tập.- Có ý thức tự giác, nghiêm túc, trách nhiệm trong thực hiện bài KT. | KHBD, đề cương, PHT,… | Linh hoạt sắp xếp theo KHGD nhà trường, địa phương |
| Kiểm tra học kì II | 138,139 | Đề và giấy kiểm tra |
| Trả bài kiểm tra học kì II | 140 | Đáp án, bài chấm |